ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG
Chương trình phát triển đô thị thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035

(Ban hành kèm theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 15 /5/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn)

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tên chương trình: Chương trình phát triển đô thị thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035.

2. Các căn cứ pháp lý

- Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

- Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;

- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và Quản lý quy hoạch đô thị;

- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/1/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn lập, thẩm định và phê duyệt chương trình phát triển đô thị;

- Thông tư số 12/2017/TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 7/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh định hướng phát triển đô thị Việt Nam đến năm 2025 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BXD-BNV ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn một số nội dung Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/1/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

- Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình;

- Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2035;

- Quyết định số 1332/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 của UBND tỉnh phê

duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất tỉnh Lạng Sơn 05 năm (2021-2025) cho cấp huyện;

- Quyết định số 2102/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 1929/QĐUBND ngày 23/11/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

- Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

- Quyết định số 2212/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 14/6/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020-2035 (giai đoạn 1, 2021-2025);

- Công văn số 311/SXD-QHKT&PTĐT ngày 03/3/2022 của Sở Xây dựng về việc Hướng dẫn quy trình lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị cho các đô thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

- Các Quy hoạch xây dựng, đô thị trên địa bàn thị trấn Na Dương;

- Các tài liệu, số liệu, dự án có liên quan.

3. Lý do và sự cần thiết lập Chương trình phát triển đô thị

Na Dương là thị trấn Công - Nông nghiệp và du lịch của huyện Lộc Bình, nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Lạng Sơn, thị trấn có tuyến Quốc lộ 4B đi qua và tuyến đường sắt nội địa Lạng Sơn - Na Dương. Có các nguồn tài nguyên khoáng sản và nông - lâm nghiệp phong phú, có các địa điểm thuận lợi cho việc phát triển du lịch như hồ Nà Cáy, mỏ than Na Dương… Vì vậy thị trấn có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển giao lưu hàng hóa, dịch vụ thương mại, du lịch và phát triển đô thị, là điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Ranh giới sau điều chỉnh mở rộng thị trấn Na Dương được xác định cụ thể như sau: phía Bắc giáp Thị trấn Lộc Bình, xã Tú Đoạn, xã Khuất Xá; phía Nam giáp xã Lợi Bác; phía Đông và Đông Nam giáp xã Sàn Viên và xã Tam Gia; phía Tây giáp xã Đông Quan.

Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 xác định tính chất là thị trấn công, nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và đô thị; vùng kinh tế trọng điểm của

huyện Lộc Bình và của tỉnh; là đầu mối giao thông, đô thị có vị trí và ý nghĩa chiến lược quan trọng về an ninh Quốc phòng. Quy hoạch được phê duyệt cũng đặt ra nhu cầu phát triển ở địa phương, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, cấp thoát nước và hạ tầng xã hội đã được đầu tư và chỉnh trang đô thị các tuyến phố, làm thay đổi bộ mặt đô thị, cải thiện môi trường đô thị.

Để tạo tiền đề phát triển cho đô thị Na Dương phát triển nhanh, bền vững, đạt được mục tiêu phát triển của tỉnh Lạng Sơn nói chung và huyện Lộc Bình nói riêng cũng như có cơ sở triển khai một số nội dung liên quan, việc xây dựng Chương trình phát triển đô thị thị trấn Na Dương đến năm 2035 là rất cần thiết; cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị, xác định các khu vực phát triển đô thị, xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng và không gian đô thị cụ thể nhằm đảm bảo cho sự phát triển vừa có trọng tâm, trọng điểm vừa phát triển bền vững, đảm bảo tính liên kết và thống nhất giữa quy hoạch các ngành, giữa các khu vực phát triển đô thị trong huyện và với đô thị lân cận.

Xây dựng chương trình phát triển đô thị thị trấn Na Dương cũng tạo tiền đề quan trọng để xác định các chương trình dự án, hạng mục đầu tư và đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp theo lộ trình phát triển, đảm bảo công tác xây dựng, phát triển đô thị của huyện theo quy hoạch định hướng đã đặt ra, hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại V phấn đấu trong tương lai xây dựng thị trấn Na Dương theo hướng bền vững để phát triển lên đô thị loại IV, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, tạo diện mạo mới về kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh, hiện đại.

4. Mục tiêu xây dựng chương trình

- Cụ thể hóa định hướng điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035 từng bước hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng đô thị phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và từng bước nâng cao tỉ lệ đô thị hóa trên địa bàn thị trấn;

- Làm cơ sở cho việc phân loại đô thị; xác định lộ trình đầu tư phát triển đô thị, các khu vực ưu tiên đầu tư phát triển đô thị theo quy hoạch và kế hoạch cho từng giai đoạn 5 năm và hàng năm; triển khai các giải pháp và nhiệm vụ thực hiện cho từng giai đoạn nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách, thu hút nguồn vốn và huy động các nguồn lực đầu tư vào mục tiêu xây dựng đô thị, nâng cao năng lực, trách nhiệm của chính quyền đô thị, thiết lập kỷ cương và tạo nguồn lực phát triển hệ thống đô thị;

- Phối hợp lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang triển khai của các ngành trên địa bàn tỉnh và thị trấn nhằm đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để phát triển thị trấn Na Dương đến năm 2035.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, nâng cao chất lượng đô thị hướng tới không gian đô thị thị trấn Na Dương đảm bảo theo tiêu chuẩn quy định.

5. Trình tự thực hiện lập và trình duyệt chương trình phát triển đô thị thị trấn Na Dương (Thông tư số 12/2014/TT-BXD ngày 25/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng):

- Lựa chọn đơn vị tư vấn có đủ năng lực lập chương trình phát triển đô thị.

- Thẩm định Chương trình phát triển đô thị theo hình thức tổ chức Hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến bằng văn bản của các tổ chức, chuyên gia.

- Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng thẩm định hoặc văn bản tham gia ý kiến của các tổ chức, chuyên gia, Sở Xây dựng lập báo cáo kết quả thẩm định để trình UBND cấp tỉnh phê duyệt.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Thuyết minh

1.1. Phạm vi nghiên cứu

a) Phạm vi: toàn bộ ranh giới hành chính thị trấn Na Dương và một phần diện tích các xã: Đông Quan, Sàn Viên, Lợi Bác, Khuất Xá và Tĩnh Bắc được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp thị trấn Lộc Bình; xã Tú Đoạn, xã Khuất Xá;

- Phía Nam giáp xã Lợi Bác;

- Phía Đông và Đông Nam giáp xã Sàn Viên và xã Tam Gia;

- Phía Tây giáp xã Đông Quan.

b) Quy mô:

- Quy mô diện tích: 6.396 ha, trong đó: thị trấn Na Dương hiện trạng: 1.146,1ha; mở rộng về Cụm công nghiệp + tái định cư Na Dương: 332,0ha; khai trường Công ty than Na Dương: 641,2ha, xã Đông Quan: 1.602,0ha; xã Sàn Viên: 1.278,5ha; xã Lợi Bác: 441,2ha; xã Khuất Xá: 449,0ha; xã Tĩnh Bắc: 501,6ha.

- Quy mô dân số: dự báo tổng quy mô dân số khu vực lập quy hoạch đến năm 2025 khoảng 20.500 người; đến năm 2035 khoảng 25.500 người.

1.2. Đánh giá thực trạng phát triển đô thị thị trấn Na Dương

- Rà soát, đánh giá thực trạng về các nội dung: dân số, đất đai, tỷ lệ đô thị hóa, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, các chỉ tiêu phát triển hệ thống hạ tầng đô thị, các động lực chính phát triển của đô thị, đánh giá những thuận lợi và khó khăn.

- Rà roát các nguồn vốn đầu tư xây dựng, thực hiện chương trình dự án đã và đang đầu tư, đã phê duyệt trên địa bàn thị trấn theo từng giai đoạn 2020-2025 và kế hoạch dự kiến thực hiện giai đoạn 2026-2030 và 2031-2035 (gồm nguồn vốn ngân sách, các vốn khác).

- Đánh giá thực trạng phát triển đô thị theo quy định về phân loại đô thị (Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

1.3. Một số chỉ tiêu quy hoạch chung

Tóm lược nội dung điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Na Dương như: định hướng chính về phát triển đô thị thị trấn Na Dương, dự báo quy mô dân số, đất đai, hướng phát triển đô thị, định hướng về hạ tầng kinh tế kỹ thuật, hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, các chương trình chiến lược, các chỉ tiêu phát triển đô thị có liên quan và dự án ưu tiên đầu tư để cụ thể hóa mục tiêu phát triển hệ thống hạ tầng đô thị theo các giai đoạn 05 năm và hàng năm.

1.4. Xây dựng Chương trình phát triển đô thị

a) Chỉ tiêu phát triển đô thị theo từng giai đoạn 05 năm và 10 năm; cụ thể hóa theo từng năm trong giai đoạn 05 năm đầu của chương trình; chỉ tiêu phát triển đô thị trong chương trình phát triển đô thị thị trấn gồm:

- Mật độ dân số toàn đô thị;

- Các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu và các tiêu chuẩn đạt nhưng ở mức thấp theo tiêu chuẩn phân loại đô thị tại thời điểm lập chương trình và theo tiêu chuẩn phân loại đô thị dự kiến thực hiện phân loại;

- Các chỉ tiêu thống kê cấp xã khác liên quan đến phát triển đô thị theo yêu cầu của địa phương.

b) Các chương trình, dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng ưu tiên và kiến trúc cảnh quan đô thị đáp ứng các tiêu chuẩn, tiêu chí phân loại đô thị:

- Các chương trình, kế hoạch phát triển các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị, các khu vực phát triển đô thị (nếu có) để tập trung đầu tư hình thành đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và kiến trúc cảnh quan đô thị theo từng giai đoạn;

- Danh mục các khu vực được xác định theo quy hoạch đô thị và lộ trình triển khai xây dựng, gồm một số hoặc toàn bộ các khu vực: khu hiện có hạn chế phát triển; khu cần bảo tồn, tôn tạo; khu chỉnh trang, cải tạo; khu phát triển mới, khu vực dự kiến mở rộng, thành lập mới phường; các khu vực trung tâm chuyên ngành từ cấp đô thị trở lên; các khu vực dự kiến xây dựng công trình ngầm;

- Đề xuất các chương trình, kế hoạch phát triển cần lập, phê duyệt riêng theo nhu cầu thực tế của địa phương (nếu có), trong đó dự kiến sơ bộ nhu cầu kinh phí, giai đoạn thực hiện, cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị

- Một hoặc một số chương trình đề án đang triển khai hoặc đề xuất mới về phát triển đô thị ứng phó biến đổi khí hậu, phát triển đô thị tăng trưởng xanh, giảm phát thải, phát triển đô thị thông minh hoặc các chương trình, đề án cấp đô thị khác để cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển bền vững đô thị;

- Dự kiến sơ bộ nhu cầu kinh phí tổng thể và trong khung thời gian của chương trình, giai đoạn thực hiện, cơ quan chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các chương trình, đề án quy định tại điểm a khoản này.

d) Các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công. Nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực, giải pháp, danh mục thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công, kết quả dự kiến theo khung thời gian hàng năm, 05 năm và 10 năm;

- Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật khung, công trình hạ tầng kỹ thuật đầu mối và các dự án khác thuộc phạm vi đô thị đã được xác định trong quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch thành phố trực thuộc trung ương;

- Các dự án đầu tư phát triển hạ tầng đô thị và các dự án khác để hoàn thiện, nâng cao các tiêu chuẩn quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 5 hoặc điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/09/2023 của Bộ trưởng Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

- Các dự án thực hiện chương trình, kế hoạch, đề án quy định tại khoản 3, 4 Điều 5 Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/09/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

- Các dự án đầu tư phát triển đô thị khác để thực hiện quy hoạch được duyệt.

đ) Xây dựng các giải pháp về cơ chế, nguồn lực và việc sử dụng nguồn lực, giải pháp, danh mục thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư phát triển đô thị sử dụng nguồn vốn đầu tư công và các nguồn vốn khác ngoài vốn đầu tư công.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình phát triển đô thị.

2. Bản vẽ

Các bản vẽ A_0 gồm:

- Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất và hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cấp đô thị;

- Sơ đồ khu vực thực hiện đợt đầu;

- Sơ đồ xác định các dự án ưu tiên về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị;

- Sơ đồ phân bố các khu vực quy định (nếu có).

Trường hợp trong nội dung chương trình phát triển đô thị đã xác định khu vực phát triển đô thị theo quy định thì thành phần hồ sơ phải bổ sung các bản vẽ thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 10 Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Lưu ý: Bản vẽ thể hiện đầy đủ ký hiệu, chú thích, màu sắc để phân biệt các khu vực phát triển đô thị theo từng giai đoạn.

III. HỒ SƠ SẢN PHẨM CHƯƠNG TRÌNH

Hồ sơ Chương trình phát triển đô thị gồm Báo cáo thuyết minh tổng hợp, báo cáo tóm tắt, bản vẽ và các Phụ lục theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

1. Hồ sơ trình thẩm định gửi về Sở Xây dựng bao gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định; hồ sơ Chương trình phát triển đô thị; ý kiến bằng văn bản của Hội đồng nhân dân cấp huyện; bảng tổng hợp và giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý của các tổ chức, cá nhân có liên quan; dự thảo quyết định phê duyệt Chương trình phát triển đô thị theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

2. Hồ sơ trình phê duyệt gồm: Tờ trình của cơ quan tổ chức lập Chương trình phát triển đô thị; hồ sơ Chương trình phát triển đô thị; bảng tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan thẩm định và các cơ quan khác (nếu có); dự thảo quyết định phê duyệt Chương trình phát triển đô thị theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

3. Hồ sơ công bố và lưu trữ:

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt, UBND cấp tỉnh chỉ đạo công bố quyết định phê duyệt và các tài liệu khác kèm theo:

a) Đăng tải công khai trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp tỉnh, cấp huyện, cơ quan chuyên môn có liên quan thuộc UBND cấp tỉnh;

b) Gửi 01 bản chụp về Bộ Xây dựng;

c) Tổ chức công bố theo các hình thức phù hợp, bảo đảm tiết kiệm, cung cấp đầy đủ các thông tin đến Nhân dân, các tổ chức liên quan để giám sát và triển khai thực hiện.

Cơ quan tổ chức lập, lập, thẩm định, phê duyệt Chương trình phát triển đô thị và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ theo quy định pháp luật về lưu trữ.

IV. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

Chương trình phát triển đô thị thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, thực hiện trong 08 tháng kể từ ngày Đề cương Chương trình phát triển đô thị được phê duyệt và ký hợp đồng.

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Xây dựng đề cương sơ bộ và phê duyệt	Tháng thứ 1
2	Đấu thầu và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn triển khai	Tháng thứ 2
3	Khảo sát thực trạng	Tháng thứ 3
4	Xây dựng chương trình	Tháng thứ 4, 5

5	Báo cáo Hội đồng thẩm định đô thị thị trấn Na Dương, UBND tỉnh, hoàn thiện nội dung Chương trình, trình UBND tỉnh phê duyệt.	Tháng thứ 6, 7, 8

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Lạng Sơn
- Cơ quan chủ đầu tư: UBND huyện Lộc Bình
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng
- Đơn vị tư vấn: Lựa chọn đơn vị tư vấn đủ năng lực theo quy định hiện hành.

HUYỆN LỘC BÌNH - TỈNH LẠNG SƠN

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THỊ TRẤN NA DƯƠNG

PHẠM VI NGHIÊN CỨU

Phạm vi lập quy hoạch: toàn bộ ranh giới hành chính thị trấn Na Dương và một phần diện tích các xã Đông Quan, xã Sàn Viên, xã Lợi Bác, xã Khuất Xá và xã Tĩnh Bắc được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp thị trấn Lộc Bình; xã Tú Đoạn, xã Khuất Xá;2
- Phía Nam giáp xã Lợi Bác;
- Phía Đông và Đông Nam giáp xã Sàn Viên và xã Tam Gia;
- Phía Tây giáp xã Đông Quan.

Quy mô quy hoạch:

- Quy mô diện tích lập quy hoạch: 6.396 ha, trong đó:
  thị trấn Na Dương hiện trạng: 1.146,1ha;
  mở rộng về Cụm công nghiệp + tái định cư Na Dương: 332,0ha;
  khai trường Công ty than Na Dương: 641,2ha, xã Đông Quan: 1.602,0ha;
  xã Sàn Viên: 1.278,5ha; xã Lợi Bác: 441,2ha; xã Khuất Xá: 449,0ha; xã Tĩnh Bắc: 501,6ha.
- Quy mô dân số: dự báo tổng quy mô dân số khu vực lập quy hoạch đến năm 2025 khoảng 20.500 người; đến năm 2035 khoảng 25.500 người.

